TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2019/LĐ_ST
Ngày: 25/12/2019
V/v: "Tranh chấp tiền lương ngừng việc"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Trúc – Phó Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội Tp.Biên Hòa.

2. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2018/TLST-LĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp tiền lương ngừng việc theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-LĐ ngày 10 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 376/B, ấp Phú Lâm, Phú Cường, Định Quán, Đồng Nai

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Tấn Tý, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 14, đường Hoàng Minh Châu, P. Hòa Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 27/3/2018).

Bị đơn: **Công ty cổ phần HV.**

Địa chỉ: Đường Điểu Xiển, khu phố 8, phường Long Bình, Tp Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn K – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 7/2, tổ 24, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bảo hiểm xã hội tỉnh ĐN.**

Địa chỉ: Số 219 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Th.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Phương H – Phó Chánh Văn phòng – Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018)

(ông T, bà A, bà H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tấn Tý trình bày:

Bà Nguyễn Thị T được Công ty cổ phần HV (Công ty) nhận vào làm việc từ tháng 06/2013, với hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Ngày 01/6/2016, giữa các bên tiếp tục ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 164/HĐLĐ-CPHV. Công việc làm là nhân viên thống kê sản suất với mức lương là 5.176.500đ/tháng.

Từ tháng 7/2016 đến tháng 12/2016, Công ty bố trí cho bà T ngừng việc 35 ngày trong năm 2016 và ngừng việc 81 ngày trong năm 2017. Tổng cộng là 116 ngày công ty trả lương ngừng việc bằng với mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định từng năm, cụ thể năm 2016 là 3.500.000đ/tháng, năm 2017 là 3.750.000đ/tháng.

Mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao đồng ngày 01/6/2016 giữa Công ty với bà T là 5.176.500đ/tháng; Nhận thấy việc Công ty trả tiền lương ngưng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước định mà không thỏa thuận với bà T là không đúng quy định của pháp luật.

Nay, bà Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà T số tiền lương ngừng việc gồm các khoản sau:

+ Trả tiền lương ngừng việc 35 ngày trong năm 2016 (5.176.500đ – 3.500.000đ)/26 ngày x 35 ngày = 2.257.000đ).

+ Trả tiền lương ngừng việc trong năm 2017 tổng 81 ngày (5.176.500đ – 3.750.000đ)/ 26 ngày x 81 ngày = 4.444.000đ.

Tổng cộng là: 6.701.000đ (Sáu triệu, bảy trăm lẽ một ngàn đồng)

Bị đơn công ty cổ phần HV có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà Nguyễn Thị T trước đây là công nhân tại Công ty theo hợp đồng không xác định thời hạn.

Đặc thù của Công ty chủ yếu là trồng, thu hoạch, sơ chế thuốc lá, vụ mùa bắt đầu từ tháng 10 năm trước đến tháng 3 năm sau mới thu hoạch, sản xuất kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ, trong năm nhiều đợt không có nguyên liệu sản xuất nên phải cho công nhân nghỉ hưởng lương ngừng việc.

Thị trường thuốc lá cạnh tranh gay gắt nên tiêu thụ nguyên liệu thuốc lá khó khăn; ảnh hưởng của thiên tai dịch bệnh, của Luật phòng chống tác hại thuốc lá nên ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty, quy mô đầu tư vùng nguyên liệu bị thu hẹp, phải chấm dứt hoạt động của 08 chi nhánh trồng nguyên liệu trong tỉnh và ngoài tỉnh.

Theo thỏa ước lao động tập thể của Công ty ban hành ngày 26/4/2016 – 2018, Phụ lực Thỏa ước lao động tập thể năm 2016 – 2018 tại Điều 12 quy định

"Tiền lương trả cho người lao động được thực hiện theo quy chế phân phối tiền lương của Công ty"

Căn cứ nghị định 49/2013/NĐ – CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động về tiền lương, năm 2016 Công ty tiến hành xây dựng hệ thống thang bảng lương và quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty trên cơ sở kết quả tiến hành tham khảo ý kiến đóng góp của toàn thể đơn vị trực thuộc, tổ chức đại diện tập thể người lao động Công ty. Trong quá trình xây dựng hệ thống thang bảng lương, tổ chức thương lượng tập thể tại Hội nghị Lương lao động thường niên để lấy ý kiến thông qua thang bảng lương trước khi ban hành quyết định số 19/CĐ – CPHV ngày 28/01/2016 về việc ban hành quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng của Công ty và Quyết định số 28/QĐ – CPHV về việc ban hành thang bảng lương áp dụng từ ngày 01/01/2016. Ngày 02/02/2016, Phòng lao động thương binh và xã hội xác nhận việc đăng ký của Công ty. Để triển khai thực hiện trong toàn bộ công nhân lao động, Công ty đã giao cho các xí nghiệp bộ phận niêm yết công khai đến từng người lao động.

Công ty đã trả lương ngừng việc cho người lao động trong năm 2016 với mức lương là 3.500.000đ/tháng. Năm 2017 với mức lương là 3.750.000đ/tháng theo quy chế về tiền lương của Công ty và có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

Như vậy, Công ty cho người lao động ngừng việc là do đặc thù công việc là mùa vụ và khó khăn về kinh tế, do ảnh hưởng của Luật phòng chống tác hại của thuốc là và cam kết Quốc tế FCTC đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải thu hẹp sản xuất, phải chấm dứt hoạt động của nhiều chi nhánh trực thuộc. Do đó, công ty phải cho ngừng việc vì lý do kinh tế theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012. Năm 2016 căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty đã thỏa thuận với người lao động thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp thông qua bản dự thảo cho người lao động đóng góp ý kiến, các xí nghiệp trực thuộc tổng hợp gửi về Công ty để thông qua. Do đó, căn cứ vào thỏa ước lao động tập thể và quy chế phân phối tiền lương của Công ty thể hiện đã được sự thỏa thuận giữa Công ty và người lao động về mức lương ngừng việc.

Căn cứ vào các quy định trên, Công ty đã trả lương ngưng việc cho bà T là đúng quy định.

Theo bản tự khai ban đầu thì ngày ngừng việc của bà T công ty xác định là 23 ngày trong năm 2016 và 69 ngày trong năm 2017 là do thống kê của công ty. Công ty đã chi số tiền là 13.048.077đ (Mười ba triệu, không trăm bốn mươi tám ngàn không trăm bảy mươi bảy đồng). Nhưng do đây là số liệu công ty cung cấp nên giữa các bên không thống nhất.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty có ý kiến như sau:

Việc công ty đã thanh toán lương ngừng việc cho người lao động là đúng quy định của pháp luật nên công ty không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với 45 ngày ngừng việc của thời gian từ tháng 07/2016 đến tháng 01/2017, do bà T khởi kiện tại Tòa vào tháng 02/2018 thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Theo bản tự khai ngày 17/04/2018 bà Đinh Thị Phương Hoa là đại diện ủy quyền Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, mã số BHXH 7508231622, có quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) từ tháng 07/2013 đến tháng 04/2018 là 04 năm 10 tháng và tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 07/2013 đến tháng 04/2018 là 04 năm 04 tháng tại Công ty CP HV (tên cũ là Công ty Nguyên liệu thuốc lá Nam).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

- Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối chiếu Điều 98 Bộ luật Lao động, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp tiền lương ngừng việc. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn, công ty cổ phần HV là bị đơn, Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai là người có quyền lợi, nghĩa liên quan trong vụ án.

- Công ty cổ phần HV có trụ sở tại khu phố 8, phường Long Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 32, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 01 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Về thời hiệu khởi kiện:

Công ty cổ phần HV và bà Nguyễn Thị T thống nhất với nhau về số ngày ngừng việc là 35 ngày (trong năm 2016) và 81 ngày (trong năm 2017). Công ty xác định bà T đã nhận tiền lương ngừng việc của 45 ngày (từ tháng 07/2016 đến tháng 01/2017), với mức lương là 3.500.000đ/tháng của năm 2016 và 3.750.000đ/tháng của năm 2017 theo quy chế về tiền lương của Công ty và có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền. Thời điểm bà T khởi kiện là tháng 02/2018 nên quyền yêu cầu khởi kiện đối với 45 ngày làm việc nêu trên đã hết thời hiệu, đề nghị Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần này. Xét thấy, việc bà T đã nhận tiền lương ngừng việc như công ty trình bày là đúng, tuy nhiên ngoài tiền lương ngừng việc của 45 ngày nêu trên thì bà T còn nhận lương ngừng việc của các

tháng đến tháng 7 năm 2017. Từ đó cho thấy đây là một quá trình liên tục đến tháng 07/2017 bà T vẫn chưa phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Bà T khởi kiện vào tháng 02/2018 do đó căn cứ khoản 02 Điều 202 Bộ luật Lao động xác định vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

4. Nội dung vụ án:

Về quan hệ lao động, hợp đồng lao động, mức lương và công việc được giao và thời gian ngừng việc trong năm 2016, 2017 giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất.

Nguyên đơn cho rằng việc Công ty đã trả tiền lương ngưng việc cho bà T bằng mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước định mà không thỏa thuận với bà T là không đúng quy định của pháp luật mà phải trả bằng mức lương thỏa thuận trong hợp đồng lao đồng ngày 01/6/2016 giữa Công ty với bà T là 5.176.500đ/tháng. Do đó, công ty phải thanh toán tiền chênh lệch cho bà.

Công ty không đồng ý với yêu cầu của bà T vì cho rằng do đặc thù của công việc nên công ty cho người lao động ngừng việc và căn cứ vào tình hình tài chính của Công ty đã thỏa thuận với người lao động thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp thông qua bản dự T cho người lao động đóng góp ý kiến, các xí nghiệp trực thuộc tổng hợp gửi về Công ty để thông qua. Do đó, căn cứ vào thỏa ước lao động tập thể và quy chế phân phối tiền lương của Công ty thể hiện đã được sự thỏa thuận giữa Công ty và người lao động về mức lương ngừng việc. Việc chi trả lương ngừng việc của công ty là đúng.

Xét thấy, từ những chứng cứ do công ty cung cấp gồm các văn bản về chấm dứt hoạt động của một số chi nhánh Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu… có căn cứ để xác định trong giai đoạn những năm 2016, 2017 do tình hình đặc thù mặt hàng sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp từ Luật phòng chống tác hại của thuốc lá và cam kết quốc tế FCTC, nên công ty HV phải thu hẹp sản suất kinh doanh là có thật. Do vậy, công ty phải cho người lao động ngừng việc và trả lương ngừng việc cho người lao động là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, công ty căn cứ vào tình hình tài chính của mình đã thỏa thuận với người lao động thông qua lấy ý kiến đóng góp bản dự thảo Thỏa ước lao động tập thể và quy chế phân phối tiền lương, thang lương, bản lương cho người lao động và từ đó sử dụng mức lương tối thiểu vùng để áp dụng cho trường hợp trả lương ngừng việc là không phù hợp. Bởi lẽ, dù thực tế có khó khăn về kinh tế nhưng công ty phải thực hiện thỏa thuận với từng người lao động khi trả lương ngừng việc mà công ty đã không thực hiện việc thỏa thuận này là chưa tuân thủ đầy đủ quy định theo khoản 3 Điều 98 Bộ luật Lao động. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu của bà T về việc trả thêm tiền lương ngừng việc của các năm 2016, 2017 từ mức tiền lương cơ bản lên bằng mức

lương thỏa thuận trong hợp đồng lao động giữa các bên là có cơ sở chấp nhận với cụ thể số tiền như sau:

+ Trả tiền lương ngừng việc 35 ngày trong năm 2016 (5.176.500đ – 3.500.000đ)/26 ngày x 35 ngày = 2.257.000đ).

+ Trả tiền lương ngừng việc trong năm 2017 tổng 81 ngày (5.176.500đ – 3.750.000đ)/ 26 ngày x 81 ngày = 4.444.000đ.

Tổng cộng là: 6.701.000đ (Sáu triệu, bảy trăm lẽ một ngàn đồng)

5. Về án phí: Công ty cổ phần HV phải chịu án phí Lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 32, 35, 39, 68, 227, 288, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 93, 98, 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn Công ty cổ phần HV về việc "tranh chấp tiền lương ngừng việc".

Tuyên xử:

Buộc Công ty cổ phần HV phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.701.000đ (Sáu triệu, bảy trăm lẽ một ngàn đồng) tiền lương ngừng việc còn lại của năm 2016 và năm 2017.

Về án phí:

- Buộc Công ty cổ phần HV phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Lao động sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 02 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự. Thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Minh Nhựt